DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 73.2022/QĐ - VPCNCL ngày 10 tháng 02 năm 2022 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm QA**

Laboratory: ***QA Test Lab***

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Ansell Vina**

Organization: ***Ansell Vina Co,. Ltd***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ**

Field of testing: ***Mechanical***

Người quản lý/ *Laboratory manager*: **Phạm Ngọc Phúc**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory*:

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Phạm Ngọc Phúc**	**Các phép thử được công nhận/*Accredited tests***
2.	**Trần Hữu Tiền**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 1181**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **10/02/2025**

Địa chỉ/ *Address*: **Đường số 7, Khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
No. 7 Street, Long Thanh Industrial Zone, Dong Nai Province, Vietnam

Địa điểm/*Location:* **Đường số 7, Khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
No. 7 Street, Long Thanh Industrial Zone, Dong Nai Province, Vietnam

Điện thoại/ *Tel*: **028 251 3514.346 ~ 8 ext: 210** Fax: **028 251 3514.349**

E-mail: **phuc.pham@ansell.com** Website: **www.ansell.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1181

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ**
Field of Testing: ***Mechanical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Găng tay phủ polymer** ***PPE/polymer coated gloves***	Thử độ mài mòn *Abrasion testing*	(1 ~ 50000) vòng/ *cycles* (Thang điểm/ *level:* 1 ~ 4)	EN 388 :2016
2.		Thử độ bền cắt *Cut testing*	(0,1 ~ 30) index (Thang điểm/ *level:* 1 ~ 5)	EN 388 :2016
3.		Thử độ bền xé *Tear testing*	(5 N ~ 500) N (Thang điểm/ *level*: 1 ~ 4)	EN 388 :2016
4.		Thử độ bền xuyên thủng *Puncture testing*	(5 N ~ 500) N (Thang điểm/ *level*: 1 ~ 4)	EN 388 :2016
5.		Xác định độ bền cắt bởi vật sắc nhọn *Determination of resistance to cutting by sharp objects*	(1 ~ 50) N (Thang điểm/ level: A, B, C, D, E, F)	ISO 13997:1999

Ghi chú/ *note:*

EN: European Standard
ISO: the International Organization for Standardization